

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 539/2024/DS-ST

Ngày: 30 - 7 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Lan

- Bà Nguyễn Thị Lương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Long Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2024/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: 266 – B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: B N, phường V, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987 theo Giấy ủy quyền số 4584./2024/UQ-TGD ngày 19/4/2024.

Bị đơn: Ông Lê Ngọc P; Địa chỉ: 1 N, phường A, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – ông Nguyễn Nhật Kinh K trình bày:

Ngày 04/9/2019, ông Lê Ngọc P (sau đây gọi là bị đơn) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi là nguyên đơn) có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (gọi chung là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng). Theo đó, nguyên đơn cấp thẻ tín dụng số 356481 – 4142 cho bị đơn với hạn mức 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm làm thẻ 31,20%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất được áp dụng tại từng thời điểm. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/3/2022 nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ và

chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/7/2024, bị đơn còn nợ số tiền gốc là 23.819.931 đồng và lãi quá hạn 26.661.726 đồng.

Ngày 09/01/2020, nguyên đơn ký hợp đồng tín dụng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202024890516 (tín chấp) với bị đơn với số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 12 tháng đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng là 17,5%/năm, lãi suất từ tháng 13 áp dụng lãi suất huy động cá nhân VNĐ 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của S1 cộng biên đơn 10,5%/năm theo quyết định điều chỉnh lãi suất định kỳ của nguyên đơn. Tính đến ngày 30/7/2024, bị đơn còn nợ số tiền gốc 150.016.000 đồng và lãi quá hạn 88.161.635 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, gửi thông báo và công văn đề nghị thanh toán nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần các khoản tạm tính đến hết ngày 30/7/2024 gồm (có bản sao kê chi tiết cụ thể):

- Khoản vay thẻ tín dụng: 50.481.657 đồng
- Khoản vay tín dụng tiêu dùng: 238.177.635 đồng
- Tổng cộng: 288.659.292 đồng .

Ngoài ra bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2024 đối với khoản vay tín dụng tiêu dùng và khoản vay thẻ tín dụng cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký.

Bị đơn vắng mặt nên Tòa không ghi nhận được ý kiến.

Do các bên đương sự không có mặt đầy đủ và phía nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và bản sao kê chi tiết tính lãi ngày 30/7/2024 của nguyên đơn cung cấp. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn có ký các hợp đồng tín dụng với nguyên đơn, do đó đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Quận A thì bị đơn có đăng ký thường trú tại số B khu phố A, đường T, phường T, Quận A nhưng không thực tế cư trú tại địa phương. Theo xác minh của Công an P1, quận T thì bị đơn cư trú tại 1 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh từ 2018 đến nay đã chuyển đi đâu

không rõ. Hiện nay, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới nên theo Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 thì nơi cư trú cuối cùng của bị đơn được xác định tại Phường A, quận T. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/7/2024 gồm: Số tiền 50.481.657 đồng phát sinh từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/6/2010, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có số thẻ 356481 – 4124 và số tiền 238.177.635 đồng phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 202024890516 ký ngày 09/01/2020, giấy nhận nợ số 01 (LD2000900657) ký ngày 09/01/2020, thỏa thuận, sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ký ngày 13/5/2021 và phụ lục lịch trả nợ đính kèm giấy nhận nợ số 01, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các hợp đồng hai bên đã ký có hình thức phù hợp, nội dung thỏa thuận tự nguyện, thể hiện ý chí của hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với chức năng, ngành nghề đã đăng ký nên hợp pháp, phát sinh hiệu lực.

Căn cứ vào lời khai, bảng chi tiết tính lãi hợp đồng tín dụng và tóm tắt sao kê thẻ tín dụng của nguyên đơn cung cấp thì mức lãi suất, thời gian tính lãi cũng như số tiền lãi phát sinh là đúng theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án tuy chỉ là lời trình bày, cung cấp tài liệu, chứng cứ từ phía nguyên đơn nhưng Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như thực hiện thủ tục tổng đạt/nhiệm yết hợp lệ đối với bị đơn trình bày tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần 1, lần 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Do đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn tự chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[2.4] Phương thức và thời hạn thanh toán: Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền gốc và lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

H lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1.1. Buộc ông Lê Ngọc P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tất cả các khoản tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 30/7/2024 là 288.659.292 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn hai trăm chín mươi hai đồng), cụ thể:

- Số tiền gốc 23.819.931 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm mười chín ngàn chín trăm ba mươi một đồng), lãi 26.661.726 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm hai mươi sáu đồng) phát sinh từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/6/2010 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có số thẻ 356481 – 4124.

- Số tiền gốc 150.016.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu không trăm mười sáu ngàn đồng, lãi 88.161.635 đồng (Tám mươi tám triệu một trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm ba mươi lăm đồng) phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 202024890516 ký ngày 09/01/2020, giấy nhận nợ số 01 (LD2000900657) ký ngày 09/01/2020, thỏa thuận, sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ký ngày 13/5/2021 và phụ lục lịch trả nợ đính kèm giấy nhận nợ số 01.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Ông Lê Ngọc P có trách nhiệm tiếp tục trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản lãi và phí phát sinh kể từ ngày 31/7/2024 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký cho đến khi thanh xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Ngọc P phải chịu án phí là 14.432.965 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi lăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.787.186 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn một trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0030760 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo